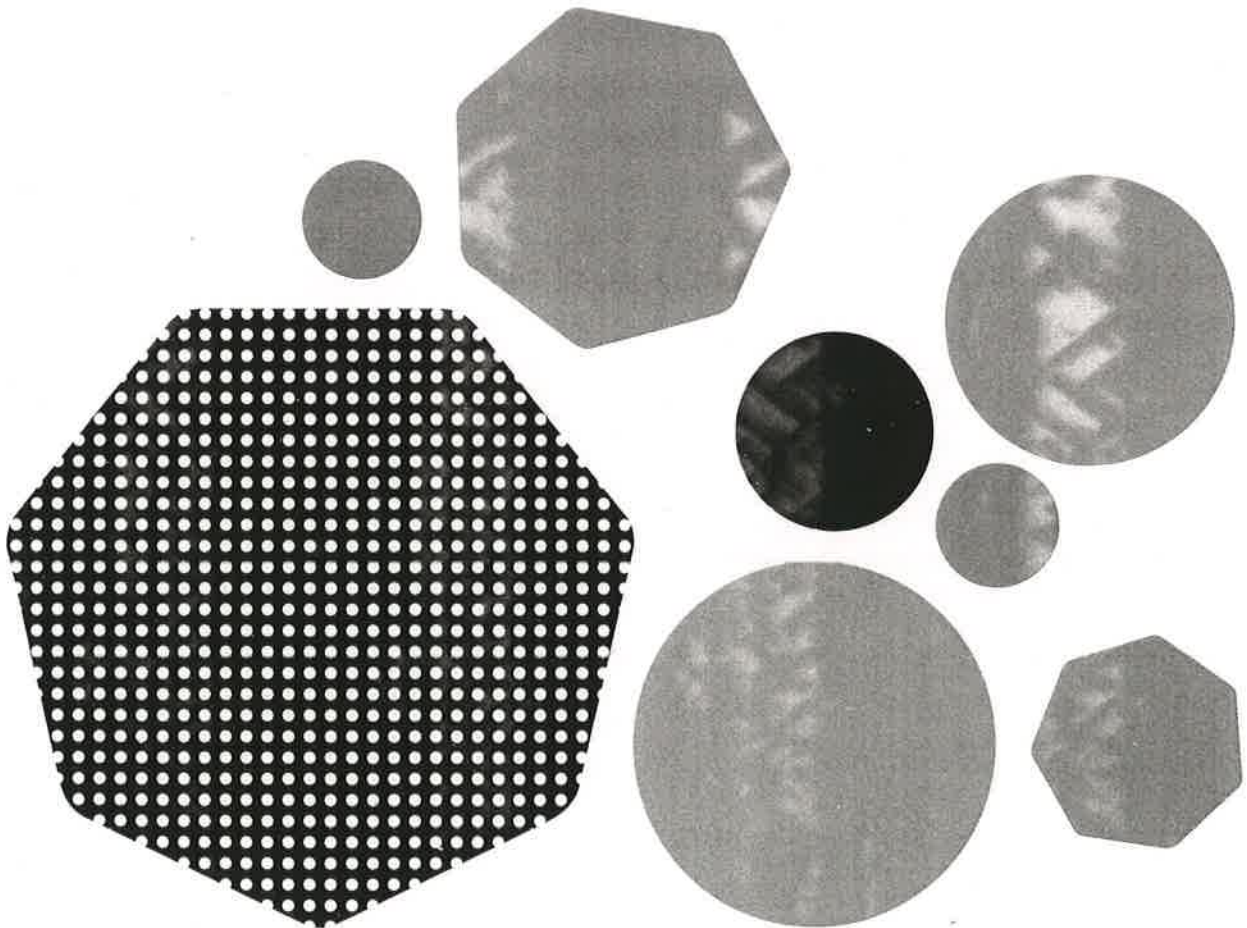


**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**  
**CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2023**



**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	2 - 3
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	4 - 5
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT	6 - 7
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT	8
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT	9 - 10
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT	11 - 44

## **BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây được gọi là “Công ty”) đệ trình Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT**

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và Ban kiểm soát đã điều hành Công ty trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Vương Ngọc Sơn	Phó Chủ tịch	
Ông Dương Ngọc Tú	Ủy viên	
Ông Phạm Tuấn Hải	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Phạm Bá Chính	Ủy viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Trần Dũng Chiến	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023
Ông Đào Trọng Sử	Ủy viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023

#### **Ban Tổng Giám đốc**

Ông Dương Ngọc Tú	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng Giám đốc
Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng Giám đốc

#### **Ban Kiểm soát**

Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng ban	
Ông Phan Văn Hưng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 23/06/2023
Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên	
Bà Phan Thị Nha Trang	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 23/06/2023

Kế toán trưởng của Công ty là Bà Trần Thị Thanh Hương

### **CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định rằng, không có bất cứ sự kiện quan trọng nào xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính có ảnh hưởng trọng yếu, đòi hỏi phải điều chỉnh hoặc công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

#### **KIỂM TOÁN VIÊN**

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được soát xét bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY.

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

### TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (TIẾP)

- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất hay không;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh;
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận;

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.


Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất. Ngoài ra, Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

### CÁC CAM KẾT KHÁC

Ban Tổng Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, tuân thủ các quy định tại nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của luật chứng khoán và thông tư số 116/2020/TT-BTC ngày 31/12/2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số điều về quản trị Công ty áp dụng đối với Công ty đại chúng tại Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.

### PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, Chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 06 đến trang 41 Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc, 



**Đương Ngọc Tú**  
Tổng Giám đốc

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**

Về Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**Kính gửi:** Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc  
Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (sau đây gọi tắt là “Công ty”) được lập ngày 28 tháng 02 năm 2024, từ trang 06 đến trang 44 kèm theo, bao gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2023, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 và Bản Thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp để làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

**Ý kiến kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship tại ngày 31/12/2023 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (TIẾP)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác với ý kiến chấp nhận toàn phần theo Báo cáo kiểm toán độc lập số 280223.010/BCTC.KT2 ngày 28/02/2023.



---

**Lê Quang Nghĩa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 3660-2021-112-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN UHY**

*Hà Nội, ngày 28 tháng 02 năm 2024*

---

**Bùi Minh Đức**

**Kiểm toán viên**

Giấy CNĐKHN kiểm toán số 5586-2021-112-1

Mẫu số B01 - DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT**  
Tại ngày 31/12/2023

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>385.975.274.040</b>	<b>464.283.012.220</b>
Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	225.987.361.934	241.232.955.468
Tiền	111		209.287.361.934	240.682.955.468
Các khoản tương đương tiền	112		16.700.000.000	550.000.000
<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>5</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>122.554.520.548</b>
Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	5.1	60.000.000.000	122.554.520.548
<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>47.602.208.386</b>	<b>20.597.262.396</b>
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	6	31.159.016.260	16.159.204.878
Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	7	11.503.707.808	2.093.597.714
Phải thu ngắn hạn khác	136	8	14.446.176.171	15.805.854.008
Dự phòng các khoản phải thu ngắn hạn	137	9	(9.506.691.853)	(13.461.394.204)
<b>Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>10</b>	<b>32.106.173.765</b>	<b>58.249.942.435</b>
Hàng tồn kho	141		32.106.173.765	58.249.942.435
<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>20.279.529.955</b>	<b>21.648.331.373</b>
Chi phí trả trước ngắn hạn	151	15	3.023.525.620	2.578.321.423
Thuế GTGT được khấu trừ	152		14.725.601.561	16.101.920.322
Thuế và các khoản khác phải thu Nhà	153	17	2.530.402.774	2.968.089.628
<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>231.975.907.126</b>	<b>270.704.385.207</b>
<b>Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>141.314.569.972</b>	<b>224.178.916.568</b>
Tài sản cố định hữu hình	221	12	141.263.231.062	223.971.827.666
- Nguyên giá	222		1.326.964.611.716	1.323.218.179.148
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(1.185.701.380.654)	(1.099.246.351.482)
Tài sản cố định vô hình	227	13	51.338.910	207.088.902
- Nguyên giá	228		664.654.500	664.654.500
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(613.315.590)	(457.565.598)
<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>	<b>14</b>	<b>3.432.542.629</b>	<b>4.239.128.721</b>
- Nguyên giá	231		23.700.004.651	23.700.004.651
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(20.267.462.022)	(19.460.875.930)
<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>49.739.044.253</b>	<b>3.439.374.004</b>
Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	11	49.739.044.253	3.439.374.004
<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>	<b>5</b>	<b>87.993.205</b>	<b>94.730.405</b>
Đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	253	5.2	537.428.525	537.428.525
Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	5.2	(449.435.320)	(442.698.120)
<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>37.401.757.067</b>	<b>38.752.235.509</b>
Chi phí trả trước dài hạn	261	15	37.401.757.067	37.861.943.111
Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	890.292.398
<b>TỔNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>617.951.181.166</b>	<b>734.987.397.427</b>

Mẫu số B01 – DN/HN

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (TIẾP)**  
Tại ngày 31/12/2023

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2023	01/01/2023
			VND	VND
<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>101.288.491.088</b>	<b>241.076.721.288</b>
<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>101.082.986.473</b>	<b>228.755.271.288</b>
Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	15.773.786.919	36.959.537.410
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		2.000.000.000	604.465.000
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	17	8.485.574.040	9.030.964.942
Phải trả người lao động	314		32.161.538.989	54.936.269.184
Chi phí phải trả ngắn hạn	315	18	1.653.991.957	179.499.010
Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	19	399.673.505	13.199.889.446
Phải trả ngắn hạn khác	319	20	28.263.829.853	89.580.378.976
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	-	23.697.000.000
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		12.344.591.210	567.267.320
<b>Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>205.504.615</b>	<b>12.321.450.000</b>
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	21	-	12.321.450.000
Thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phải trả	341		205.504.615	-
<b>VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>516.662.690.078</b>	<b>493.910.676.139</b>
<b>Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>22</b>	<b>516.662.690.078</b>	<b>493.910.676.139</b>
Vốn góp của chủ sở hữu	411		200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		200.000.000.000	200.000.000.000
Quỹ đầu tư phát triển	418		146.220.778.825	83.086.506.355
Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		170.441.911.253	210.824.169.784
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		134.409.929.924	(40.744.427.908)
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		36.031.981.329	251.568.597.692
<b>TỔNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>617.951.181.166</b>	<b>734.987.397.427</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú



Mẫu số B02 - DN/HN

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023	Năm 2022
			VND	VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	24	593.844.082.552	1.051.592.234.779
Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		593.844.082.552	1.051.592.234.779
Giá vốn hàng bán	11	25	581.327.898.831	772.380.867.826
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		12.516.183.721	279.211.366.953
Doanh thu hoạt động tài chính	21	26	21.348.661.418	12.756.917.853
Chi phí tài chính	22	27	8.839.046.784	16.989.569.268
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		2.862.441.692	9.133.565.044
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		-	-
Chi phí bán hàng	25	28	11.841.439.097	22.237.345.500
Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	28	23.800.914.778	46.677.519.992
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(10.616.555.520)	206.063.850.046
Thu nhập khác	31	29	58.782.937.119	108.750.234.929
Chi phí khác	32	30	3.041.471.568	306.235.896
Lợi nhuận khác	40		55.741.465.551	108.443.999.033
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		45.124.910.031	314.507.849.079
Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	31	7.997.131.689	63.829.543.785
Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	32	1.095.797.013	(890.292.398)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		36.031.981.329	251.568.597.692
Lợi nhuận sau thuế của Công ty mẹ	61		36.031.981.329	251.568.597.692
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		-	-
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	33	1.802	11.914
Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	33	1.802	11.914

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Trần Thị Thanh Hương

Dương Ngọc Tú

Mẫu số B03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>01</b>		<b>45.124.910.031</b>	<b>314.507.849.079</b>
<b>Điều chỉnh cho các khoản</b>				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		88.169.952.686	88.196.859.251
Các khoản dự phòng	03		(3.947.965.151)	3.977.379.601
(Lãi)/lỗ các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		(1.029.333.924)	4.375.645.421
(Lãi)/lỗ hoạt động đầu tư	05		(9.885.339.325)	(51.888.765.575)
Chi phí lãi vay	06		2.862.441.692	9.133.565.044
Các điều chỉnh khác	07		(58.628.174.289)	(61.350.008.110)
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>	<b>08</b>		<b>62.666.491.720</b>	<b>306.952.524.711</b>
(Tăng)/Giảm các khoản phải thu	09		(15.093.474.142)	42.853.487.487
Giảm hàng tồn kho	10		26.143.768.670	20.721.277.024
Giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(56.049.203.125)	(21.060.259.290)
(Tăng)/Giảm chi phí trả trước	12		14.981.847	8.998.286.326
Tiền lãi vay đã trả	14		(2.277.205.598)	(2.350.003.780)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(8.552.244.490)	(51.067.426.396)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		2.980.000	479.607.000
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(1.505.623.500)	(1.017.240.880)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>5.350.471.382</b>	<b>304.510.252.202</b>
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(58.615.723.315)	(9.028.011.871)
Tiền thu thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		55.003.367	47.218.693.455
Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(171.700.000.000)	(172.807.424.658)
Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		234.254.520.548	90.252.904.110
Tiền thu lãi vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		10.409.238.821	3.583.682.958
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>14.403.039.421</b>	<b>(40.780.156.006)</b>

Mẫu số B03 - DN/HN

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT (TIẾP)**  
(Theo phương pháp gián tiếp)  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

Chi tiêu	Mã Thuyết số minh	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND	
<b>Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
Tiền trả nợ gốc vay	34	(36.018.450.000)	(196.000.542.772)	
Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	-	(582.966.588)	
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	<b>40</b>	<b>(36.018.450.000)</b>	<b>(196.583.509.360)</b>	
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong năm</b>	<b>50</b>	<b>(16.264.939.197)</b>	<b>67.146.586.836</b>	
<b>Tiền và tương đương tiền đầu năm</b>	<b>60</b>	<b>4</b>	<b>241.232.955.468</b>	<b>178.500.086.206</b>
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	1.019.345.663	(4.413.717.574)	
<b>Tiền và tương đương tiền cuối năm</b>	<b>70</b>	<b>4</b>	<b>225.987.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

Người lập biểu

Nguyễn Thị Bảo Ngọc

Kế toán trưởng

Trần Thị Thanh Hương

Tổng Giám đốc



Dương Ngọc Tú

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**Mẫu số B09 - DN/HN****1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1 HÌNH THỨC SỞ HỮU VỐN**

Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship (“Công ty”) trước đây là doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo quy định tại Nghị định số 187/2004/NĐ-CP ngày 16/11/2004 của Chính phủ về việc chuyển doanh nghiệp Nhà nước thành Công ty Cổ phần. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0203002740 (mã số doanh nghiệp là 0200119965) do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hải Phòng cấp lần đầu ngày 27 tháng 12 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 06 tháng 07 năm 2023.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại: Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng.

Vốn điều lệ của Công ty theo đăng ký là 200.000.000.000 đồng, vốn điều lệ thực góp đến ngày 31 tháng 12 năm 2023 là 200.000.000.000 đồng; tương đương 20.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 đồng.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2023 là: 477 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là: 529 người).

**1.2 LĨNH VỰC KINH DOANH**

Công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực vận tải biển.

**1.3 NGÀNH NGHỀ KINH DOANH**

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là:

- Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải (Chi tiết: Dịch vụ đại lý tàu biển Dịch vụ đại lý vận tải đường biển. Dịch vụ giao nhận, nâng cầu, kiểm đếm hàng hóa. Dịch vụ khai thuê hải quan. Dịch vụ môi giới thuê tàu biển (không bao gồm thủy thủ đoàn). Môi giới hàng hải. Dịch vụ cung ứng tàu biển. Dịch vụ Logistics. Đại lý bán vé máy bay, vé tàu. Dịch vụ môi giới vận tải. Dịch vụ vận tải đa phương thức (không bao gồm kinh doanh vận tải hàng không và hoạt động hàng không chung). Đại lý container. Khai thác cảng, biển. Dịch vụ quản lý tàu.);
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác (Chi tiết: Dịch vụ xuất nhập khẩu hàng hóa);
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Bốc xếp hàng hóa (Chi tiết: Bốc xếp hàng hóa ga đường sắt, đường bộ, cảng biển, cảng sông);
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa.

**1.4 CHU KỲ SẢN XUẤT KINH DOANH THÔNG THƯỜNG**

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

## THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

### 1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP (TIẾP)

#### 1.5 CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP

Tại ngày 31/12/2023 Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Các đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh
Chi nhánh tại thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển
Chi nhánh tại Đà Nẵng	Đà Nẵng	Cho thuê văn phòng
Chi nhánh tại Quảng Ninh	Quảng Ninh	Vận tải biển, đại lý vận tải biển

Tại ngày 31/12/2023 Công ty có các công ty con sau:

Tên Công ty	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động kinh doanh chính
Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	100%	100%	100%	Dịch vụ bốc xếp hàng hóa và logistics

### 2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH

#### 2.1 CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 (Thông tư 200), Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/03/2016 (Thông tư 53) sửa đổi bổ sung Thông tư 200, Thông tư số 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất (Thông tư 202) cũng như các Thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm mục đích trình bày tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

#### 2.2 CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty được lập trên cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty và Báo cáo tài chính của công ty con do Công ty kiểm soát (Công ty con) được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của Công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích từ hoạt động của công ty này.

Báo cáo tài chính của công ty con được áp dụng các chính sách kế toán nhất quán với các chính sách kế toán của Công ty. Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của công ty con được điều chỉnh để đảm bảo tính nhất quán trong các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và công ty con.

Các số dư, thu nhập và chi phí chủ yếu, kể cả các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ được loại trừ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO VÀ NĂM TÀI CHÍNH (TIẾP)**

**2.3 NĂM TÀI CHÍNH**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 năm Dương lịch. Báo cáo tài chính hợp nhất này được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**2.4 ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam (VND).

**2.5 TUYÊN BỐ VỀ VIỆC TUÂN THỦ CHUẨN MỰC KẾ TOÁN VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính hợp nhất của Tập đoàn được lập và trình bày đảm bảo tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là những chính sách kế toán quan trọng được Công ty áp dụng trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này:

**3.1 ƯỚC TÍNH KẾ TOÁN**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về các khoản công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

**3.2 CÁC NGHIỆP VỤ BẰNG NGOẠI TỆ**

Các giao dịch bằng ngoại tệ trong kỳ kế toán được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày giao dịch. Công ty áp dụng tỷ giá giao dịch thực tế là tỷ giá xấp xỉ, tỷ giá này chênh lệch không quá 1% so với tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình.

Tỷ giá giao dịch thực tế khi đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất được xác định theo nguyên tắc:

- Đối với khoản mục phân loại là tài sản: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch;
- Đối với tiền gửi ngoại tệ: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của chính ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ;
- Đối với khoản mục phân loại là nợ phải trả: áp dụng tỷ giá mua bán chuyển khoản trung bình của ngân hàng thương mại nơi Công ty thường xuyên có giao dịch.

Tất cả các khoản chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán. Trong đó lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối kỳ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ không được sử dụng để phân phối lợi nhuận hoặc chia cổ tức.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.3 TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

**3.4 CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH**

*Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn* bao gồm: Các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ.

*Khoản đầu tư vào công ty con* được ghi nhận ban đầu trên sổ kế toán theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

*Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác* bao gồm: các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác không có quyền kiểm soát đối với bên được đầu tư. Giá trị ghi sổ ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc. Sau ghi nhận ban đầu, giá trị của các khoản đầu tư này được xác định theo giá gốc trừ đi dự phòng giảm giá khoản đầu tư.

Cổ tức nhận bằng cổ phiếu chi thực hiện ghi nhận số lượng cổ phiếu được nhận, không ghi nhận tăng giá trị khoản đầu tư và doanh thu hoạt động tài chính.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm cụ thể như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào công ty con: Dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi đơn vị nhận đầu tư phát sinh lỗ, căn cứ vào Báo cáo tài chính của công ty con tại thời điểm trích lập dự phòng.
- Đối với khoản đầu tư nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư: khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định tin cậy thì việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn: căn cứ khả năng thu hồi để lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật.

**3.5 CÁC KHOẢN PHẢI THU**

Các khoản phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu, và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải thu được phân loại là ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày báo cáo.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được trích lập cho các khoản: nợ phải thu quá hạn thanh toán ghi trong hợp đồng kinh tế, các kế ước vay nợ, cam kết hợp đồng hoặc cam kết nợ và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi. Trong đó, việc trích lập dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán được căn cứ vào thời gian trả nợ gốc theo hợp đồng mua bán ban đầu, không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên và nợ phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

### THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

## 3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)

### 3.6 HÀNG TỒN KHO

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm tất cả các chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí khác có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối kỳ là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

### 3.7 TÀI SẢN CỐ ĐỊNH

Tài sản cố định được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao tài sản cố định được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25
- Máy móc thiết bị	06 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	04 - 20
- Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 06
- Phần mềm quản lý	03

Bất động sản đầu tư được ghi nhận ban đầu theo giá gốc.

Đối với bất động sản đầu tư cho thuê hoạt động được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại. Trong đó khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng với thời gian khấu hao được ước tính như sau:

Loại tài sản	Thời gian (năm)
- Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 25

### 3.8 CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang bao gồm tài sản cố định đang mua sắm và xây dựng mà chưa hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí về xây dựng, lắp đặt máy móc thiết bị và các chi phí trực tiếp khác.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.9 THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản cố định mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

**3.10 CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

Các chi phí đã phát sinh liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong các năm tài chính sau.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng năm tài chính được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để lựa chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý.

Các khoản chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

- Chi phí sửa chữa các tàu lên đà: Chi phí sửa chữa các tàu lên đà được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời hạn cho phép của đăng kiểm là 05 năm 02 lần.
- Chi phí bảo hiểm: Chi phí bảo hiểm thể hiện khoản tiền bảo hiểm đã trả cho dịch vụ bảo hiểm của Công ty đang sử dụng. Chi phí bảo hiểm được phân bổ theo thời hạn bảo hiểm quy định trên hợp đồng bảo hiểm.
- Chi phí trả trước khác: Chi phí sửa chữa, công cụ dụng cụ chờ phân bổ,... được phân bổ vào chi phí trong năm theo phương pháp đường thẳng theo thời gian không quá 36 tháng.

**3.11 CÁC KHOẢN NỢ PHẢI TRẢ**

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty. Các khoản phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Báo cáo tài chính hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải trả tại ngày báo cáo.

**3.12 VAY**

Các khoản vay được theo dõi theo từng đối tượng cho vay, từng khế ước vay và kỳ hạn phải trả của các khoản vay. Trường hợp vay bằng ngoại tệ thì thực hiện theo dõi chi tiết theo nguyên tệ.

**3.13 CHI PHÍ ĐI VAY**

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Ngoài ra, đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

**3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

Các khoản phải trả cho hàng hóa dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã được cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả và các khoản phải trả khác như chi phí lãi tiền vay phải trả... được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.14 CHI PHÍ PHẢI TRẢ (TIẾP)**

Việc ghi nhận các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

**3.15 DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

Doanh thu chưa thực hiện gồm doanh thu nhận trước như: số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản và hoạt động vận tải biển.

Doanh thu chưa thực hiện được kết chuyển vào Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ theo số tiền được xác định phù hợp với từng kỳ kế toán.

**3.16 VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh (lãi, lỗ) sau thuế thu nhập doanh nghiệp và tình hình phân chia lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty. Việc phân phối lợi nhuận được thực hiện khi Công ty có lợi nhuận sau thuế chưa phân phối không vượt quá mức lợi nhuận sau thuế chưa phân phối trên Báo cáo tài chính hợp nhất sau khi đã loại trừ ảnh hưởng của các khoản lãi do ghi nhận từ giao dịch mua giá rẻ. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể được chia cho các nhà đầu tư dựa trên tỷ lệ góp vốn sau khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Công ty trích lập các quỹ sau từ lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty theo đề nghị của Hội đồng quản trị và được các cổ đông phê duyệt tại Đại hội đồng cổ đông thường niên:

- Quỹ đầu tư phát triển: Quỹ này được trích lập nhằm phục vụ việc mở rộng hoạt động hoặc đầu tư chiều sâu của Công ty.
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi và Quỹ khen thưởng Ban điều hành: Quỹ này được trích lập để khen thưởng, khuyến khích vật chất, đem lại lợi ích chung và nâng cao phúc lợi cho công nhân viên và được trình bày như một khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

Cổ tức phải trả cho các cổ đông được ghi nhận là khoản phải trả trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất của Công ty sau khi có thông báo chia cổ tức của Hội đồng quản trị Công ty và thông báo ngày chốt quyền nhận cổ tức của Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam.

**3.17 DOANH THU*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)****3.17 DOANH THU (TIẾP)**

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.

*Doanh thu cho thuê hoạt động*

Doanh thu cho thuê hoạt động chủ yếu bao gồm hoạt động cho thuê tàu biển, văn phòng và kho bãi được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê theo quy định của hợp đồng thuê.

*Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Cổ phiếu thưởng hay cổ tức trả bằng cổ phiếu: Không ghi nhận khoản thu nhập khi quyền được nhận cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu được xác lập, số lượng cổ phiếu thưởng hay cổ tức bằng cổ phiếu nhận được thuyết minh trên Báo cáo tài chính có liên quan.

**3.18 GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

Giá vốn hàng bán trong kỳ được ghi nhận phù hợp với doanh thu phát sinh trong kỳ và đảm bảo tuân thủ nguyên tắc thận trọng. Các trường hợp hao hụt vật tư hàng hóa vượt định mức, chi phí vượt định mức bình thường, hàng tồn kho bị mất mát sau khi đã trừ đi phần trách nhiệm của tập thể, cá nhân có liên quan,... được ghi nhận đầy đủ, kịp thời vào giá vốn hàng bán trong kỳ.

**3.19 CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Chi phí giao dịch bán chứng khoán;
- Dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác, khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái...

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**3. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU (TIẾP)**

**3.20 THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP**

a) Chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế trong kỳ và thuế suất thuế TNDN trong kỳ kế toán hiện hành.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Không bù trừ chi phí thuế TNDN hiện hành với chi phí thuế TNDN hoãn lại.

b) Thuế suất thuế TNDN kỳ kế toán hiện hành

Trong kỳ, Công ty được áp dụng mức thuế suất thuế TNDN là 20% đối với các hoạt động sản xuất kinh doanh có thu nhập chịu thuế TNDN.

**3.21 BÊN LIÊN QUAN**

Các bên được coi là liên quan nếu bên đó có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định về các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên liên quan của Công ty bao gồm:

- Các doanh nghiệp trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát Công ty hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty, hoặc cùng chung sự kiểm soát với Công ty, bao gồm cả công ty mẹ, công ty con và công ty liên kết;
- Các cá nhân trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những nhân sự quản lý chủ chốt của Công ty, những thành viên mật thiết trong gia đình của các cá nhân này;
- Các doanh nghiệp do các cá nhân nêu trên nắm trực tiếp hoặc gián tiếp phần quan trọng quyền biểu quyết hoặc có ảnh hưởng đáng kể tới các doanh nghiệp này.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan để phục vụ cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, Công ty chú ý tới bản chất của mối quan hệ hơn là hình thức pháp lý của các quan hệ đó. Theo đó, toàn bộ giao dịch và số dư với các bên liên quan được Công ty trình bày tại các Thuyết minh dưới đây.

**3.22 THÔNG TIN BỘ PHẬN**

Do hoạt động kinh doanh của Công ty chủ yếu là lĩnh vực vận tải biển quốc tế nên Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và theo khu vực địa lý.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Tiền mặt	582.501.000	648.240.000
- Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	208.704.860.934	240.034.715.468
- Các khoản tương đương tiền (*)	16.700.000.000	550.000.000
<b>Cộng</b>	<b>225.987.361.934</b>	<b>241.232.955.468</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản tương đương tiền là các khoản tiền gửi có kỳ hạn dưới 03 tháng, tổng giá trị 16.700.000.000 đồng được gửi tại các Ngân hàng Thương mại với lãi suất từ 4,7%/năm.

**5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH****5.1 ĐẦU TƯ NĂM GIỮ ĐẾN NGÀY ĐÁO HẠN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
+ Tiền gửi có kỳ hạn (*)	60.000.000.000	122.554.520.548
<b>Cộng</b>	<b>60.000.000.000</b>	<b>122.554.520.548</b>

(\*) Tại ngày 31/12/2023, các khoản đầu tư ngắn hạn là tiền gửi có kỳ hạn 06 tháng được gửi tại các Ngân hàng thương mại với lãi suất từ 6,1%/năm đến 6,9%/năm.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***5. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH (TIẾP)****5.2 ĐẦU TƯ GÓP VỐN VÀO ĐƠN VỊ KHÁC**

	31/12/2023				01/01/2023			
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Tỷ lệ quyền biểu quyết
	VND	VND	VND	%	VND	VND	VND	%
- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	(*)	(*)	-	-	(*)	(*)
- Đầu tư vào đơn vị khác (**)	537.428.525	(449.435.320)	88.547.200	0%	537.428.525	(442.698.120)	95.200.800	0%
+ CTCP vận tải và thuê tàu biển Việt Nam - VST	537.018.920	(449.435.320)	87.583.600	0%	537.018.920	(442.698.120)	94.320.800	0%
+ Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - VCB	409.605	-	963.600	0%	409.605	-	880.000	0%
<b>Cộng</b>	<b>537.428.525</b>	<b>(449.435.320)</b>			<b>537.428.525</b>	<b>(442.698.120)</b>		

(\*) Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư là cổ phiếu niêm yết trên thị trường được xác định theo giá đóng cửa của cổ phiếu trên thị trường chứng khoán UpCOM và HOSE tại ngày 31/12/2022 và 31/12/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***6. PHẢI THU CỦA KHÁCH HÀNG**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
	31.159.016.260	(2.164.204.279)	16.159.204.878	(6.118.906.630)
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoành Sơn	-	-	5.635.289.073	(3.944.702.351)
- Chi nhánh Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	93.569.673	-	1.515.952.284	-
- East Shipping Management Ltd	2.931.529.170	-	-	-
- Bright Spring International Ltd	3.363.917.932	-	-	-
- R&S Trader Pte Ltd, Singapore	14.780.156.866	-	-	-
- Phải thu khách hàng khác	9.989.842.619	(2.164.204.279)	9.007.963.521	(2.174.204.279)
<b>Cộng</b>	<b>31.159.016.260</b>	<b>(2.164.204.279)</b>	<b>16.159.204.878</b>	<b>(6.118.906.630)</b>

**Phải thu của khách hàng là các bên liên quan:**

Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.2

	280.014.393	-	1.509.071.220	-
--	-------------	---	---------------	---

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***7. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Công ty Cổ phần Xây dựng GM	3.393.672.846	-	-	-
- Công ty TNHH Tập đoàn thang máy thiết bị Thăng Long	3.266.400.000	-	-	-
- Công ty TNHH MTV Đóng tàu Nam Triệu	2.740.379.814	-	-	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn thiết kế Đầu tư miền Duyên Hải	1.110.447.797	-	416.417.923	-
- Công ty Cổ phần Thương mại Shiptech	-	-	975.645.000	-
- Công ty Cổ phần Tư vấn đầu tư và Xây dựng Bắc Sông Cấm	-	-	387.000.000	-
- Trả trước cho người bán khác	992.807.351	-	314.534.791	-
<b>Cộng</b>	<b>11.503.707.808</b>	-	<b>2.093.597.714</b>	-



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***8. PHẢI THU KHÁC**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Dự phòng VND	Giá trị VND	Dự phòng VND
- Phải thu về lãi tiền gửi	1.101.568.492	-	1.680.471.355	-
- Phải thu về bảo hiểm xã hội	251.227.132	-	163.492.437	-
- Phải thu về bảo hiểm thất nghiệp	9.520.056	-	32.931.859	-
- Phải thu về bảo hiểm y tế	14.312.376	-	13.319.045	-
- Tạm ứng	2.983.923.322	-	3.377.141.156	-
- Ký quỹ, ký cược	742.000.000	-	1.369.000.000	-
- Công ty TNHH MTV Vận tải biển dương Vinashin	7.342.487.574	(7.342.487.574)	7.342.487.574	(7.342.487.574)
- Phải thu tiền bảo hiểm tàu	1.935.659.806	-	1.743.405.671	-
- Phải thu khác	65.477.413	-	83.604.911	-
<b>Cộng</b>	<b>14.446.176.171</b>	<b>(7.342.487.574)</b>	<b>15.805.854.008</b>	<b>(7.342.487.574)</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***9. DỰ PHÒNG CÁC KHOẢN PHẢI THU KHÓ ĐÒI**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Giá trị có thể thu hồi VND	Dự phòng VND	Giá trị có thể thu hồi VND
<b>Các khoản phải thu quá hạn thanh toán</b>				
- Công ty TNHH MTV Vận tải Viễn dương Vinashin (Vinashinlines)	7.342.487.574	-	7.342.487.574	-
- Công ty Cổ phần Vận tải biển Hoành Sơn	-	-	5.635.289.073	1.690.586.722
- Công ty TNHH Giao nhận vận tải Hoàng Kim Phát	1.104.934.000	-	1.104.934.000	-
- Các đối tượng khác	1.059.270.279	-	1.069.270.279	-
<b>Cộng</b>	<b>9.506.691.853</b>	<b>-</b>	<b>15.151.980.926</b>	<b>1.690.586.722</b>
				<b>13.461.394.204</b>

**10. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá gốc VND	Dự phòng VND	Giá gốc VND	Dự phòng VND
- Nguyên liệu, vật liệu	32.055.438.765	-	47.906.983.565	-
- Công cụ, dụng cụ	50.735.000	-	24.502.000	-
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	-	-	10.271.117.280	-
- Hàng hóa	-	-	47.339.590	-
<b>Cộng</b>	<b>32.106.173.765</b>	<b>-</b>	<b>58.249.942.435</b>	<b>-</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***11. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Dự án xây bãi Container hậu phương tại Đình Vũ - Hải Phòng	1.124.146.300	91.957.200
- Dự án xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới tại lô đất TM8 đường Hồ Sen - Cầu Rào 2 (*)	48.614.897.953	3.347.416.804
<b>Cộng</b>	<b>49.739.044.253</b>	<b>3.439.374.004</b>

**(\*) Thông tin về dự án**

- Chủ đầu tư: Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship;
- Mục đích xây dựng: Xây dựng trụ sở văn phòng làm việc mới và cho thuê văn phòng làm việc;
- Địa điểm xây dựng: Lô đất TM8, khu đô thị Hồ Sen – Cầu Rào 2, phường Kênh Dương, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng;
- Tổng mức đầu tư dự kiến: 96 tỷ đồng;
- Thời gian bắt đầu triển khai và dự kiến hoàn thành: Dự án được triển khai từ năm 2019 và dự kiến hoàn thành đưa vào sử dụng năm 2024;
- Tình trạng của dự án tại thời điểm 31/12/2023: Công ty đã ký hợp đồng thuê đất với UBND Thành phố Hải Phòng và đã thực hiện khởi công xây dựng từ ngày 21/03/2023.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***12. TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Cộng
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
01/01/2023	7.505.449.306	130.752.694	1.315.264.586.535	317.390.613	1.323.218.179.148
- Mua trong năm	148.000.000	-	4.495.120.494	63.545.455	4.706.665.949
- Thanh lý, nhượng bán	-	(70.320.864)	(513.029.566)	(101.108.951)	(684.459.381)
- Giảm khác	(275.774.000)	-	-	-	(275.774.000)
<b>31/12/2023</b>	<b>7.377.675.306</b>	<b>60.431.830</b>	<b>1.319.246.677.463</b>	<b>279.827.117</b>	<b>1.326.964.611.716</b>
<b>HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
01/01/2023	(5.806.296.756)	(128.471.599)	(1.093.008.279.779)	(303.303.348)	(1.099.246.351.482)
- Khấu hao trong năm	(226.749.132)	(2.281.095)	(86.964.398.744)	(14.187.631)	(87.207.616.602)
- Thanh lý, nhượng bán	-	70.320.864	513.029.566	101.108.951	684.459.381
- Giảm khác	68.128.049	-	-	-	68.128.049
<b>31/12/2023</b>	<b>(5.964.917.839)</b>	<b>(60.431.830)</b>	<b>(1.179.459.648.957)</b>	<b>(216.382.028)</b>	<b>(1.185.701.380.654)</b>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
01/01/2023	1.699.152.550	2.281.095	222.256.306.756	14.087.265	223.971.827.666
31/12/2023	1.412.757.467	-	139.787.028.506	63.445.089	141.263.231.062

- Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay tại ngày 31/12/2023 128.179.262.572 đồng và đến thời điểm lập Báo cáo này là 43.096.624.915 đồng (tại ngày 01/01/2023: 210.860.503.938 đồng).

- Nguyên giá TSCĐ hữu hình của Công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 108.004.112.340 đồng (tại ngày 01/01/2023: 11.966.502.977 đồng).

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***13. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Phần mềm máy vi tính <u>VND</u>	Cộng <u>VND</u>
<b>NGUYÊN GIÁ</b>		
01/01/2023	664.654.500	664.654.500
31/12/2023	<u>664.654.500</u>	<u>664.654.500</u>
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN</b>		
01/01/2023	(457.565.598)	(457.565.598)
- Khấu hao trong năm	(155.749.992)	(155.749.992)
31/12/2023	<u>(613.315.590)</u>	<u>(613.315.590)</u>
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>		
01/01/2023	<u>207.088.902</u>	<u>207.088.902</u>
31/12/2023	<u>51.338.910</u>	<u>51.338.910</u>

- Nguyên giá tài sản vô hình của Công ty đã hết khấu hao nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2023 là 307.654.500 đồng (tại ngày 01/01/2023 là 307.654.500 đồng).

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIÊN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ**

	01/01/2023	Tăng trong năm	Giảm trong năm	31/12/2023
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Bất động sản đầu tư cho thuê</b>				
<b>NGUYÊN GIÁ</b>	23.700.004.651	-	-	23.700.004.651
- Nhà	2.627.505.019	-	-	2.627.505.019
- Cơ sở hạ tầng	21.072.499.632	-	-	21.072.499.632
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>	(19.460.875.930)	(806.586.092)	-	(20.267.462.022)
- Nhà	(2.613.044.159)	(14.460.860)	-	(2.627.505.019)
- Cơ sở hạ tầng	(16.847.831.771)	(792.125.232)	-	(17.639.957.003)
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>	4.239.128.721	(806.586.092)	-	3.432.542.629
- Nhà	14.460.860	(14.460.860)	-	-
- Cơ sở hạ tầng	4.224.667.861	(792.125.232)	-	3.432.542.629

- Nguyên giá bất động sản đầu tư đã hết khấu hao nhưng vẫn đang cho thuê tại ngày 31/12/2023: 6.546.020.001 đồng (tại ngày 01/01/2023: 6.259.455.501 đồng);

- Trong kỳ doanh thu phát sinh từ bất động sản là: 3.282.941.874 đồng;

- Các khoản tiền thuê thu được hàng năm trong tương lai được trình bày trong Thuyết minh số 23.

Giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức tại ngày 31/12/2023. Tuy nhiên, dựa trên tình hình cho thuê và giá trị thị trường của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc của Công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của tài sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại trên sổ tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

*(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)*

**15. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
<b>a) Ngắn hạn</b>	<b>3.023.525.620</b>	<b>2.578.321.423</b>
- Chi phí trả trước về bảo hiểm tàu biển	2.785.453.620	2.576.353.897
- Các khoản khác	238.072.000	1.967.526
<b>b) Dài hạn</b>	<b>37.401.757.067</b>	<b>37.861.943.111</b>
- Chi phí sửa chữa lớn đội tàu biển chờ phân bổ	37.325.161.511	37.861.943.111
- Chi phí trả trước khác	76.595.556	-
<b>Cộng</b>	<b>40.425.282.687</b>	<b>40.440.264.534</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ VND
- Công ty TNHH Thương mại xăng dầu Thành Long	4.434.000.000	4.434.000.000	2.739.361.500	2.739.361.500
- Công ty TNHH Phát triển kỹ thuật xanh	1.366.003.360	1.366.003.360	482.429.760	482.429.760
- Công ty Cổ phần Xuất nhập khẩu Kim Việt	-	-	10.850.360.000	10.850.360.000
- MONJASA	-	-	9.012.333.078	9.012.333.078
- Công ty Cổ phần Dầu nhờn quốc tế Việt Mỹ	-	-	3.261.150.400	3.261.150.400
- Các đối tượng khác	9.973.783.559	9.973.783.559	10.613.902.672	10.613.902.672
<b>Cộng</b>	<b>15.773.786.919</b>	<b>15.773.786.919</b>	<b>36.959.537.410</b>	<b>36.959.537.410</b>

**Phải trả người bán là các bên liên quan:**

Chi tiết trình bày tại thuyết minh 3.5.2



**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TÀI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***17. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP/PHẢI THU NHÀ NƯỚC**

	01/01/2023	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải nộp</b>				
- Thuế Giá trị gia tăng phải nộp	684.399.554	3.333.393.285	3.242.315.313	775.477.526
- Thuế Nhập khẩu	-	173.575.935	173.575.935	-
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	8.097.011.351	7.997.131.689	8.552.244.490	7.541.898.550
- Thuế Thu nhập cá nhân	249.554.037	1.111.005.469	1.192.361.542	168.197.964
- Thuế Môn bài	-	7.000.000	7.000.000	-
- Thuế Nhà đất, tiền thuế đất	-	744.108.002	744.108.002	-
- Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	150.733.480	150.733.480	-
	<b>9.030.964.942</b>	<b>13.516.947.860</b>	<b>14.062.338.762</b>	<b>8.485.574.040</b>

	01/01/2023	Số phải thu/thực nộp trong năm	Số phải nộp đã khấu trừ trong năm	31/12/2023
	VND	VND	VND	VND
<b>Thuế và các khoản phải thu</b>				
- Thuế nhà đất, tiền thuế đất	2.930.071.581	-	399.668.807	2.530.402.774
- Thuế thu nhập cá nhân	38.018.047	-	38.018.047	-
	<b>2.968.089.628</b>	-	<b>437.686.854</b>	<b>2.530.402.774</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**18. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Trích trước chi phí hoạt động của các tàu	1.653.991.957	179.499.010
<b>Cộng</b>	<b>1.653.991.957</b>	<b>179.499.010</b>

**19. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Doanh thu nhận trước từ hoạt động vận tải biển	367.352.964	13.176.361.200
- Doanh thu nhận trước tiền thuê văn phòng, địa điểm, bãi xe	32.320.541	23.528.246
<b>Cộng</b>	<b>399.673.505</b>	<b>13.199.889.446</b>

**20. PHẢI TRẢ KHÁC**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
- Kinh phí công đoàn	1.000.000	49.188.670
- Bảo hiểm y tế	98.694.731	53.327.330
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.674.333	-
- Nhận ký quỹ, ký cược	56.000.000	32.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận phải trả	7.107.375.000	7.107.375.000
- Phải trả lãi vay (*)	18.410.934.152	17.825.698.058
- Phải trả lương giữ hộ thuyền viên	1.586.197.576	1.733.443.574
- Nợ gốc và lãi vay ngân hàng chờ xử lý	-	58.628.174.289
- Phải trả Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC) phí quản lý mua nợ	-	3.042.477.443
- Nhận ký quỹ, ký cược	300.000.000	-
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	699.954.061	1.108.694.612
<b>Cộng</b>	<b>28.263.829.853</b>	<b>89.580.378.976</b>

**Phải trả phải nộp khác là các bên liên quan: 6.600.000.000 6.600.000.000**

Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.2

(\*) Đây là lãi vay phải trả theo các hợp đồng tín dụng đối với Ngân hàng Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Đông Bắc (trong đó lãi vay là 13.878.180.611 đồng, lãi tính trên nợ lãi chậm trả là 4.532.735.541 đồng). Theo Nghị định số 78/2023/NĐ-CP ngày 7/11/2023 của Chính phủ, trong đó đề cập đến việc ngừng tính lãi chậm trả từ ngày 22/12/2023 và xóa số nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả đã phát sinh chưa thu đến thời điểm dừng tính lãi đối với nợ lãi chậm trả. Tại thời điểm 31/12/2023, Công ty thuộc đối tượng được xóa nợ xóa số nợ lãi tính trên nợ lãi chậm trả là 4.532.735.541 đồng, tuy nhiên, Công ty chưa ghi nhận khoản thu nhập từ việc do chưa có thông báo cụ thể từ Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Bắc về việc xóa khoản công nợ trên.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***21. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH**

Nội dung	31/12/2023		01/01/2023			
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>a) Vay ngắn hạn</b>	-	-	<b>6.696.000.000</b>	<b>30.393.000.000</b>	<b>23.697.000.000</b>	<b>23.697.000.000</b>
Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam	-	-	-	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Vay dài hạn đến hạn trả (thời hạn dưới 1 năm)	-	-	6.696.000.000	25.393.000.000	18.697.000.000	18.697.000.000
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Bắc (*)	-	-	6.696.000.000	25.393.000.000	18.697.000.000	18.697.000.000
<b>b) Vay dài hạn</b>	-	-	-	<b>12.321.450.000</b>	<b>12.321.450.000</b>	<b>12.321.450.000</b>
<b>Vay dài hạn (thời hạn trên 1 năm)</b>	-	-	-	<b>12.321.450.000</b>	<b>12.321.450.000</b>	<b>12.321.450.000</b>
Ngân hàng Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đông Bắc (*)	-	-	-	12.321.450.000	12.321.450.000	12.321.450.000
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>6.696.000.000</b>	<b>42.714.450.000</b>	<b>36.018.450.000</b>	<b>36.018.450.000</b>

(\*) Hợp đồng tín dụng sửa đổi số 01A/2021/HETDĐC-NHPT ngày 31/08/2011 (sửa đổi hợp đồng vay vốn tín dụng số 01/2007/HETD ngày 31/01/2007). Khoản nợ từ 01/07/2016 đến 30/06/2019 theo Hợp đồng sửa đổi bổ sung số 01B/2017/HETDĐBS-NHPT ngày 31/12/2017. Lãi vay của hợp đồng tín dụng được áp dụng lãi suất cố định 7,8%/năm. Thời hạn vay 180 tháng kể từ ngày rút vốn lần đầu (tháng 4/2006). Mục đích vay là đầu tư dự án đóng mới tàu chở hàng bách hóa 12.500 DWT tại nhà máy đóng tàu biển trong nước. Tài sản đảm bảo là tàu Vinaship Gold.

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**

Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai, quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU****22.1 BẢNG ĐỐI CHIẾU BIẾN ĐỘNG CỦA VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Khoản mục	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Quý đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND
<b>01/01/2022</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>82.932.721.854</b>	<b>(40.518.877.307)</b>	<b>242.413.844.547</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	251.568.597.692	251.568.597.692
- Phân phối lợi nhuận	-	153.784.501	(225.550.601)	(71.766.100)
<b>31/12/2022</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>83.086.506.355</b>	<b>210.824.169.784</b>	<b>493.910.676.139</b>
<b>01/01/2023</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>83.086.506.355</b>	<b>210.824.169.784</b>	<b>493.910.676.139</b>
- Lãi trong năm nay	-	-	36.031.981.329	36.031.981.329
- Phân phối lợi nhuận (*)	-	63.134.272.470	(76.414.239.860)	(13.279.967.390)
+ Trích quỹ đầu tư phát triển	-	63.134.272.470	(63.134.272.470)	-
+ Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(13.279.967.390)	(13.279.967.390)
<b>31/12/2023</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>146.220.778.825</b>	<b>170.441.911.253</b>	<b>516.662.690.078</b>

(\*) Theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2023, Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship, thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cho quỹ khen thưởng phúc lợi là 12.593.535.482 đồng, quỹ đầu tư phát triển là 62.967.677.412 đồng và trích quỹ thưởng người quản lý 608.687.548 đồng.

(\*) Theo Quyết định số 58/2023/VNS-KTT ngày 07/03/2023 của Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship về việc phê duyệt kết quả sản xuất kinh doanh, phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2022 và giao chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2023 cho Công ty TNHH Dịch vụ Hàng Hải Vinaship. Theo đó, thông qua phân phối lợi nhuận năm 2022 của Công ty cho quỹ khen thưởng là 38.872.180, quỹ phúc lợi là 38.872.180 đồng và quỹ đầu tư phát triển là 166.595.058 đồng.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***22. VỐN CHỦ SỞ HỮU (TIẾP)****22.2 CHI TIẾT VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU**

	31/12/2023		01/01/2023	
	Giá trị	Tỷ lệ	Giá trị	Tỷ lệ
	VND	%	VND	%
- Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam - CTCP	102.000.000.000	51%	102.000.000.000	51%
- Các cổ đông khác	98.000.000.000	49%	98.000.000.000	49%
<b>Cộng</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>200.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**22.3 CÁC GIAO DỊCH VỀ VỐN VỚI CÁC CHỦ SỞ HỮU VÀ PHÂN PHỐI CỔ TỨC, CHIA LỢI NHUẬN**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	200.000.000.000	200.000.000.000
+ Vốn góp cuối năm	200.000.000.000	200.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

**22.4 CỔ PHIẾU**

	31/12/2023	01/01/2023
	CP	CP
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	-	-
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	20.000.000	20.000.000
+ Cổ phiếu phổ thông	20.000.000	20.000.000
<i>Mệnh giá cổ phiếu (VND/Cổ phiếu)</i>	<i>10.000</i>	<i>10.000</i>

**22.5 CÁC QUỸ**

	31/12/2023	01/01/2023
	VND	VND
Quỹ đầu tư phát triển	146.220.778.825	83.086.506.355
<b>Cộng</b>	<b>146.220.778.825</b>	<b>83.086.506.355</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***23. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG****23.1 TÀI SẢN CHO THUÊ NGOÀI**

Công ty hiện đang cho thuê tài sản theo hợp đồng thuê hoạt động. Vào ngày 31/12/2023, các khoản tiền thuê tối thiểu trong tương lai theo hợp đồng cho thuê hoạt động được trình bày như sau:

Tài sản cho thuê ngoài	31/12/2023	01/01/2023
- Từ 1 năm trở xuống	1.991.144.270	3.670.396.420
- Từ 1 đến 5 năm	200.909.091	3.519.272.726
<b>Cộng</b>	<b>2.192.053.361</b>	<b>7.189.669.146</b>

**23.2 CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

Công ty đang quản lý và sử dụng các khu đất thuê tại khu Hạ Đoạn 2, phường Đông Hải 2, quận Hải An, khu đất tại đường Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng; khu đất tại phường Thạch Thang, quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng để sử dụng với mục đích cho thuê lại và dùng làm trụ sở văn phòng làm việc. Tổng diện tích các khu đất thuê là 19.934,4 m<sup>2</sup>. Theo đó, Công ty phải trả tiền thuê đất theo thông báo tiền thuê đất hàng năm.

**23.3 NGOẠI TỆ CÁC LOẠI**

Khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm số ngoại tệ như sau:

	31/12/2023	01/01/2023
- Dollar Mỹ (USD)	7.845.081,06	9.109.719,85

**24. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Doanh thu bán hàng hóa	47.382.060	1.736.915.460
- Doanh thu hoạt động vận tải biển	542.832.503.543	999.734.451.944
- Doanh thu cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	4.206.167.714	4.244.905.725
- Doanh thu cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa và dịch vụ khác	46.758.029.235	45.875.961.650
<b>Cộng</b>	<b>593.844.082.552</b>	<b>1.051.592.234.779</b>
<b>Doanh thu với các bên liên quan:</b>	<b>2.149.008.046</b>	<b>2.263.823.505</b>

Chi tiết trình bày tại thuyết minh 35.2

**25. GIÁ VỐN HÀNG BÁN**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Giá vốn bán hàng hóa	47.339.590	1.549.731.451
- Giá vốn hoạt động vận tải biển	536.917.497.889	726.598.924.792
- Giá vốn cung cấp dịch vụ và cho thuê bất động sản	1.574.350.138	2.322.221.789
- Giá vốn cung cấp dịch vụ bốc xếp hàng hóa và dịch vụ khác	42.788.711.214	41.909.989.794
<b>Cộng</b>	<b>581.327.898.831</b>	<b>772.380.867.826</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***26. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Lãi tiền gửi	9.830.335.958	4.670.061.320
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	10.800
- Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	10.488.991.536	8.086.845.733
- Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	1.029.333.924	-
<b>Cộng</b>	<b>21.348.661.418</b>	<b>12.756.917.853</b>

**27. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí lãi vay	2.862.441.692	9.133.565.044
- Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm	5.969.755.013	3.453.277.913
- Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư cuối năm	-	4.375.645.421
- Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	6.737.200	26.948.800
- Chi phí tài chính khác	112.879	132.090
<b>Cộng</b>	<b>8.839.046.784</b>	<b>16.989.569.268</b>

**28. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
<b>a) Các khoản chi phí bán hàng</b>	<b>11.841.439.097</b>	<b>22.237.345.500</b>
- Hoa hồng phí cho các tàu	11.841.439.097	22.237.345.500
<b>b) Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	<b>23.800.914.778</b>	<b>46.677.519.992</b>
- Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.247.240.969	2.123.778.278
- Chi phí nhân công	20.552.413.786	33.960.593.160
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	797.247.177	724.956.226
- Thuế, phí và lệ phí	7.000.000	7.000.000
- (Hoàn nhập)/Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	(3.954.702.351)	3.950.430.801
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.836.649.218	1.813.616.130
- Chi phí bằng tiền khác	3.315.065.979	4.097.145.397
<b>Cộng</b>	<b>35.642.353.875</b>	<b>68.914.865.492</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**29. THU NHẬP KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Tiền phạt thu được	-	103.410.000
- Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu đối với khoản vay các ngân hàng sau khi chuyển giao cho DATC (*)	58.628.174.289	61.350.008.110
- Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	55.003.367	47.218.693.455
- Các khoản khác	99.759.463	78.123.364
<b>Cộng</b>	<b>58.782.937.119</b>	<b>108.750.234.929</b>

(\*) Thu nhập từ xử lý tái cơ cấu nợ là khoản chênh lệch giữa nợ gốc và lãi vay của Ngân hàng TMCP Bảo Việt – Chi nhánh Hải Phòng (BVB Hải Phòng) với phần giá vốn mua nợ, phí quản lý của Công ty TNHH Mua bán nợ Việt Nam (DATC). Sau khi Công ty hoàn tất việc thanh toán cho DATC phần giá vốn mua nợ, phí quản lý và lãi suất chậm trả, phần chênh lệch này được giảm và ghi nhận vào thu nhập khác.

**30. CHI PHÍ KHÁC**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
- Tiền thuê đất tại khu đất TM8	2.583.972.067	-
- Tiền hỗ trợ kinh phí xây dựng nhà đa năng trường tiểu học	-	300.000.000
- Các khoản bị phạt	150.733.480	6.235.215
- Các khoản chi phí khác	306.766.021	681
<b>Cộng</b>	<b>3.041.471.568</b>	<b>306.235.896</b>

**31. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty mẹ	7.831.923.837	63.681.280.766
Chi phí thuế TNDN hiện hành tại Công ty TNHH Dịch vụ Hàng hải Vinaship	165.207.852	148.263.019
<b>Chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>7.997.131.689</b>	<b>63.829.543.785</b>
Thuế TNDN phải nộp đầu năm	8.097.011.351	(4.665.106.038)
Thuế TNDN đã nộp trong năm	(8.552.244.490)	(51.067.426.396)
<b>Thuế TNDN phải nộp cuối năm</b>	<b>7.541.898.550</b>	<b>8.097.011.351</b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***32. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÀN LẠI**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế	205.504.615	(890.292.398)
Chi phí thuế TNDN hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	890.292.398	-
<b>Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại</b>	<b>1.095.797.013</b>	<b>(890.292.398)</b>

**33. LÃI CƠ BẢN, LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU****a. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho Cổ đông sở hữu cổ phần phổ thông (VND)	36.031.981.329	251.568.597.692
Điều chỉnh giảm do trích quỹ khen thưởng phúc lợi (*)	-	(13.279.967.390)
<b>Lợi nhuận thuần sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND)</b>	<b>36.031.981.329</b>	<b>238.288.630.302</b>
Cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân trong năm (CP)	20.000.000	20.000.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/CP)</b>	<b>1.802</b>	<b>11.914</b>

(\*) Tại thời điểm phát hành báo cáo kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023 chưa có số liệu để trích lập Quỹ khen thưởng phúc lợi năm 2023. Số liệu trích lập sẽ được căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2024.

Lợi nhuận dùng để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 đã được điều chỉnh lại với số liệu đã trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính này để phản ánh khoản thực trích quỹ khen thưởng, phúc lợi từ lợi nhuận để lại của năm 2022 theo Nghị quyết Đại hội Cổ đông thường niên năm 2023 số 04/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/06/2023.

Theo đó, chỉ tiêu Lãi cơ bản trên cổ phiếu năm 2022 là 11.914 VND/CP (số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2022 trước điều chỉnh là 12.578 VND/CP).

**b. LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU**

Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá trong thời gian tiếp theo không có sự tác động của các công cụ có thể chuyển thành cổ phiếu pha loãng giá trị cổ phiếu. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***34. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	Năm 2023	Năm 2022
	VND	VND
- Chi phí nguyên vật liệu	208.533.050.641	332.802.235.074
- Chi phí nhân công	100.053.410.082	152.872.668.598
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	88.169.952.686	88.196.859.251
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	205.090.251.118	226.460.834.830
- Chi phí bằng tiền khác	8.759.833.660	10.717.352.801
<b>Cộng</b>	<b>610.606.498.187</b>	<b>811.049.950.554</b>

**35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm 2023, Công ty có phát sinh giao dịch và số dư với các bên liên quan sau:

STT	Công ty	Mối quan hệ
1	Tổng Công ty Hàng hải Việt Nam – CTCP	Công ty mẹ
2	Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	Cùng tập đoàn
3	Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	Cùng tập đoàn
4	Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	Cùng tập đoàn
5	Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	Cùng tập đoàn
6	Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	Cùng tập đoàn
7	Công ty Cổ phần Vận tải và Dịch vụ hàng hải Cảng Sài Gòn	Cùng tập đoàn
8	Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	Cùng tập đoàn
9	Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Cảng Đình Vũ	Cùng tập đoàn
10	Công ty Cổ phần Tàu lai Cảng Đà Nẵng	Cùng tập đoàn
11	Công ty Cổ phần Cảng Đà Nẵng	Cùng tập đoàn
12	Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	Công ty liên kết của Công ty mẹ
13	Công ty Liên doanh dịch vụ container quốc tế Cảng Sài Gòn - SSA	Công ty liên kết của Công ty mẹ
14	Các thành viên trong Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác của Công ty	

**CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI BIỂN VINASHIP**Số 01 Hoàng Văn Thụ, phường Minh Khai,  
quận Hồng Bàng, thành phố Hải Phòng**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**Cho năm tài chính  
kết thúc ngày 31/12/2023**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***35. THÔNG TIN KHÁC****35.1 THÔNG TIN VỀ BÊN LIÊN QUAN (TIẾP)****Giao dịch với các bên liên quan:**

	Năm 2023 VND	Năm 2022 VND
<b>Doanh thu cung cấp dịch vụ</b>	<b>2.149.008.046</b>	<b>2.263.823.505</b>
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	1.334.306.046	1.496.540.505
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	814.702.000	767.283.000
<b>Mua hàng hóa, dịch vụ</b>	<b>1.783.690.000</b>	<b>4.343.801.524</b>
- Công ty TNHH MTV Cảng Hoàng Diệu	-	89.510.960
- Công ty TNHH Vận tải hàng Công nghệ cao	-	6.103.070
- Công ty Cổ phần Cảng Sài Gòn	-	321.463.843
- Công ty Cổ phần Đại lý Hàng hải Việt Nam	-	22.222.221
- Công ty TNHH Cảng quốc tế SP-PSA	-	19.275.660
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	-	1.200.000
- Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ VOSCO	1.783.690.000	3.884.025.770

**Số dư với các bên liên quan:**

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải thu khách hàng</b>		
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao	93.569.673	1.515.952.284
- Công ty Cổ phần Cảng Hải Phòng	186.444.720	206.667.720
<b>Cộng</b>	<b>280.014.393</b>	<b>1.722.620.004</b>

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải trả phải nộp khác</b>		
- Tổng Công ty Hàng Hải Việt Nam - CTCP	6.600.000.000	6.600.000.000
<b>Cộng</b>	<b>6.600.000.000</b>	<b>6.600.000.000</b>

	31/12/2023 VND	01/01/2023 VND
<b>Phải trả người bán</b>		
- Công ty TNHH Vận tải hàng công nghệ cao tại Hải Phòng	-	6.591.316
<b>Cộng</b>	<b>-</b>	<b>6.591.316</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)***(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)***35. THÔNG TIN KHÁC****35.2 GIAO DỊCH VỚI BÊN LIÊN QUAN****Thu nhập của quản lý chủ chốt:**

STT	Họ và tên	Chức danh	Thu nhập/Thù lao	
			Năm 2023 VNĐ	Năm 2022 VNĐ
	<b>Thu nhập của các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty</b>		<b>3.996.474.859</b>	<b>4.718.006.287</b>
1	Ông Trần Văn Nghi	Chủ tịch HĐQT	674.788.355	1.060.325.036
2	Ông Nguyễn Ngọc Ánh	Chủ tịch HĐQT	35.000.000	-
3	Ông Vương Ngọc Sơn	Phó chủ tịch HĐQT	78.000.000	43.000.000
4	Ông Dương Ngọc Tú	Thành viên HĐQT, Tổng giám đốc	1.000.382.861	994.011.385
5	Ông Trần Dũng Chiến	Thành viên HĐQT	49.000.000	577.152.365
6	Ông Đào Trọng Sứ	Thành viên HĐQT	49.000.000	28.000.000
7	Ông Phạm Bá Chính	Thành viên HĐQT	29.000.000	-
8	Ông Phạm Tuấn Hải	Thành viên HĐQT	12.000.000	-
9	Ông Nguyễn Quang Duy	Phó Tổng giám đốc	677.577.121	680.944.670
10	Ông Lê Văn Thái	Phó Tổng giám đốc	739.109.111	636.851.826
11	Bà Trần Thị Thanh Hương	Kế toán trưởng	652.617.411	652.721.005
12	Ông Phạm Hải Long	Nguyên thành viên HĐQT	-	15.000.000
13	Ông Phạm Văn Toàn	Nguyên thành viên HĐQT	-	15.000.000
14	Ông Mai Xuân Ngoạt	Nguyên thành viên HĐQT	-	15.000.000
	<b>Thu nhập của các thành viên trong Ban kiểm soát</b>		<b>175.000.000</b>	<b>105.000.000</b>
1	Bà Lã Thị Liên Hương	Trưởng Ban kiểm soát	73.000.000	43.000.000
2	Bà Nguyễn Hà Thanh	Thành viên Ban kiểm soát	53.000.000	31.000.000
3	Bà Phan Nha Trang	Thành viên Ban kiểm soát	26.000.000	31.000.000
4	Ông Phạm Văn Hưng	Thành viên Ban kiểm soát	23.000.000	-
	<b>Cộng</b>		<b>4.171.474.859</b>	<b>4.823.006.287</b>

**36. SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH**

Ban Tổng giám đốc Công ty khẳng định rằng, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khoá sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2023.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP)**

(Các thuyết minh này là bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính hợp nhất)

**37. SỐ LIỆU SO SÁNH**

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022 của Công ty Cổ phần Vận tải biển Vinaship đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Hãng kiểm toán AASC.

Hải Phòng, ngày 28 tháng 02 năm 2024

**Người lập biểu**



**Nguyễn Thị Bảo Ngọc**

**Kế toán trưởng**



**Trần Thị Thanh Hương**

**Tổng Giám đốc**



**Dương Ngọc Tú**